

**CÔNG TY TNHH ĐIỆN CÔNG NGHIỆP ĐÔNG ANH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐIỆN CÔNG NGHIỆP ĐÔNG ANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DONG ANH INDUSTRIAL ELECTRICITY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: DONG ANH ELEC CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107663987

**3. Ngày thành lập:** 14/12/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tổ 15, Thị Trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0936466526

Fax:

Email: [info.donganhang@gmail.com](mailto:info.donganhang@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                | 4651        |
| 2.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                            | 4663        |
| 3.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                     | 4933        |
| 4.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>Giám sát thi công xây dựng;<br>Tư vấn lập quy hoạch xây dựng;<br>Thiết kế thẩm tra thiết kế xây dựng công trình<br>Lập thẩm tra dự án đầu tư xây dựng<br>Tư vấn quản lý dự án; | 7110        |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                    | 4659(Chính) |
| 6.  | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                                                     | 2511        |
| 7.  | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                                                                                          | 2750        |
| 8.  | Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén                                                                                                                                                                                              | 2818        |
| 9.  | Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại                                                                                                                                                                                                      | 2822        |
| 10. | Sản xuất máy chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                      | 2829        |
| 11. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                         | 3312        |
| 12. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                             | 3314        |
| 13. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)                                                                                                                                                          | 3315        |
| 14. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                              | 4321        |
| 15. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                     | 4330        |
| 16. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                 | 4652        |

|     |                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                     | 6209 |
| 18. | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                         | 2790 |
| 19. | Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)                                                              | 2811 |
| 20. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299 |
| 21. | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                                                          | 2512 |
| 22. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                 | 4390 |
| 23. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                        | 2592 |
| 24. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                                                                         | 2599 |
| 25. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                      | 2710 |
| 26. | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                             | 2733 |
| 27. | Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động                                                        | 2814 |
| 28. | Sản xuất máy thông dụng khác                                                                                                        | 2819 |
| 29. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                              | 3313 |
| 30. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                              | 3319 |
| 31. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                             | 3320 |
| 32. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                     | 4322 |
| 33. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                      | 4329 |
| 34. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý                                                                                       | 4610 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

### **7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: **VŨ QUỐC HUY**

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *13/11/1986*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001086012295*

Ngày cấp: *24/05/2016*

Nơi cấp: *Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ 15, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tổ 15, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

### **8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: **VŨ QUỐC HUY**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *13/11/1986*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001086012295*

Ngày cấp: *24/05/2016*

Nơi cấp: *Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ 15, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tổ 15, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*